TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **214**/2024/HS-PT
Ngày: 11/11/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**

Ông **Trần Hữu Vinh**

Thư ký phiên toà: Ông **Phan Hồng Lĩnh** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **NGUYỄN VĂN T**, sinh ngày 04/4/1989 tại thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: K T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (c) và bà Thái Thị N; có vợ (Trương Thị L, đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 03/4/2019, bị Công an quận S, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác" với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (QĐ số 07/ QĐ-XPHC). Nhân thân: Ngày 16/6/2009, bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản". Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đỗ Hữu T1 nhưng bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 31/7/2023, Nguyễn Văn T có nhu cầu thuê xe máy để đi lại nên rủ Trần Quang V cùng đi tìm chỗ cho thuê xe. Khi đến trước nhà số B đường H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng thì thấy treo biển cho thuê xe máy. T và Quang V gặp anh Lê Ngọc V1 để thoả thuận việc thuê xe máy. Do bị mất căn cước công dân nên T nhờ Quang V làm thủ tục với anh Ngọc V1 để thuê giúp cho T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu vàng - đen biển kiểm soát 92K1-0xx.xx, thời hạn thuê xe là 03 ngày với giá 100.000 đồng/1 ngày. T trả cho anh Ngọc V1 300.000 đồng tiền thuê xe rồi đem xe mô tô trên về sử dụng. Sau đó, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên T nảy sinh ý định đem xe mô tô biển kiểm soát 92K1-0xx.xx của anh Ngọc V1 đi bán. T lên mạng xã hội Facebook thấy Đỗ Hữu T1 đăng thông tin với nội dung cần mua xe máy cũ nên T đã chủ động liên lạc với T1 để trao đổi việc mua bán xe. Đến ngày 01/8/2023, T và T1 gặp nhau tại quán cà phê ở địa chỉ số A đường Ô, phường H, quận C để xem xe. Tại đây, mặc dù biết rõ xe mô tô biển kiểm soát 92K1-0xx.xx không có giấy tờ và không phải của T làm chủ sở hữu nhưng T1 vẫn thỏa thuận mua xe mô tô này với giá 3.000.000 đồng, T có viết giấy bán xe cho T1. Số tiền có được T sử dụng vào mục đích cá nhân.Đến chiều ngày 01/8/2023, Đỗ Hữu T1 đem xe mô tô BKS: 92K1-0xx.xx về nhà tại thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thì bị Công an quận N, triệu tập làm việc do T có liên quan đến việc mua xe máy không rõ nguồn gốc trước đó và tiến hành tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng – đen BKS: 92K1-0xx.xx để xác minh làm rõ.Sau khi đến hạn nhưng không được trả xe nên anh Lê Ngọc V1 nhiều lần gọi điện thoại nhắc thì T hứa hẹn với anh V1 sẽ trả lại xe, T nói dối xe đưa cho bạn mượn sử dụng và T sẽ trả thêm chi phí thuê xe phát sinh cho anh V1, T trả được thêm số tiền 1.600.000 đồng cho anh V1, sau đó không trả nữa. Đến ngày 28/9/2023, anh Lê Ngọc V1 vẫn chưa nhận lại được xe cũng như không liên lạc được với T nên anh Ngọc V1 đến Công an phường T, quận T để trình báo vụ việc. Đến ngày 20/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N đã chuyển tang vật là xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng – đen BKS: 92K1-0xx.xx cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T để xử lý theo thẩm quyền. Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 08/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 92K1-0xx.xx có trị giá là 11.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng - đen BKS: 92K1-0xx.xx (số khung: RLHJF2708BY49xxxx, số máy: JF27E140xxxx) do chị Huỳnh Thị Thu T2 đứng tên chủ sở hữu. Năm 2019, chị T2 bán lại xe cho anh Lê Ngọc V1. Ngày 31/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã trả lại cho anh Lê Ngọc V1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho anh Lê Ngọc V1 số tiền 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, anh V1 không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"***.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo Đỗ Hữu T1 về tội ***"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"***, phần án phí và thông báo quyền kháng cáo bản án.

Ngày 22/8/2024, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về nhân thân bị cáo, qua đó xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử

căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận: ngày 31/7/2023, Nguyễn Văn T đã thuê 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng - đen BKS: 92K1-0xx.xx, trị giá 11.500.000 đồng của anh Lê Ngọc V1, thời hạn thuê xe là 03 ngày với giá 100.000 đồng/1 ngày. Sau khi thuê xe, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên T nảy sinh ý định đem xe mô tô biển kiểm soát 92K1-0xx.xx của anh Lê Ngọc V1 đi bán. Ngày 01/8/2023, tại quán cà phê ở địa chỉ số A đường Ô, phường H, quận C, Nguyễn Văn T đã lập giấy viết tay, bán xe mô tô nói trên cho Đỗ Hữu T1 với giá 3.000.000 đồng. Số tiền có được T sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến ngày 28/9/2023, anh Lê Ngọc V1 vẫn chưa nhận lại được xe cũng như không liên lạc được với T nên đã đến Công an phường T, quận T để trình báo vụ việc.

[2] Với hành vi trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*** theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: mặc dù bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, bản thân bị cáo đã từng bị kết án 8 năm tù về hành vi Cướp tài sản vào năm 2009; đến tháng 4/2019 tiếp tục bị xử phạt hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác; và lần phạm tội này, bị cáo cũng có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản. Chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Quá trình xét xử tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo nêu tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay và cũng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mà giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù về tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"***. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Thanh Khê;
- Toà án nhân dân quận Thanh Khê;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Vụ GĐKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Tuấn